

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần
trong chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy
của Trường Đại học Cần Thơ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 9 năm 2015 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 4417/BGDET-DH&SDH ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học và thi các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3056/BGDET-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị;

Căn cứ Quyết định số 4890/QĐ-BGDDT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDDT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/BGDDT-BTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Biên bản số 2125/BB-DHCT-HDKHDT ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Chính trị, Hiệu trưởng Trường Công nghệ thông tin và truyền thông, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, Trưởng khoa Khoa Giáo dục thể chất, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh và Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Cần Thơ.**

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 3003/QĐ-DHCT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Điều 3. Chánh văn phòng Trường, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trưởng khoa Khoa Giáo dục thể chất, Trưởng các đơn vị, Chủ tịch Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần, Chủ tịch Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. H

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đơn vị đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

QUY ĐỊNH

Xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2457/QĐ-DHCT ngày 19 tháng 6 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định việc xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học hình thức chính quy (sau đây gọi là *xét miễn và công nhận điểm học phần*).
- Quy định này áp dụng đối với sinh viên (SV) hình thức chính quy tại Trường Đại học Cần Thơ (DHCT).

Điều 2. Tổ chức và quy trình thực hiện xét miễn và công nhận điểm học phần

- Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường DHCT.
- Hiệu trưởng trường chuyên ngành, Trưởng khoa, Viện trưởng đơn vị thuộc Trường DHCT quản lý ngành đào tạo (sau đây gọi là *Trưởng đơn vị đào tạo*) chịu trách nhiệm ban hành Quyết định thành lập các Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị. Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị gồm ít nhất 3 thành viên là: lãnh đạo của đơn vị là ủy viên của Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường DHCT; Trưởng hoặc Phó trưởng Khoa thuộc trường chuyên ngành, Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn thuộc Khoa, Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn thuộc Viện phụ trách ngành đào tạo và Trợ lý giáo vụ của đơn vị (*ngoài ra có thể bổ sung thêm thành viên là giảng viên có kinh nghiệm về ngành đào tạo*). Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần chịu trách nhiệm xem xét và đề nghị công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho mỗi SV. Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần lập Biên bản xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu tại Phụ lục 6*); tổng hợp Danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu tại Phụ lục 7*); trình Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt danh sách (*các*) học phần được xét miễn cho mỗi SV, bắn sao các chứng chỉ sử dụng để xét miễn học phần và gửi cho Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường DHCT thông qua Phòng Đào tạo; và gửi kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho từng SV thông qua Cố vấn học tập.

- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm kiểm tra đối chiếu kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần của văn bản và dữ liệu nhập kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần của đơn vị quản lý ngành đào tạo (*Trường chuyên ngành, Khoa, Viện thuộc Trường DHCT sau đây gọi là đơn vị đào tạo*); kiểm tra văn bằng, chứng chỉ,... được sử dụng để xét miễn học phần; nếu phát hiện có sai sót thì điều chỉnh dữ liệu kết quả

xét miễn học phần, phản hồi và in kết quả xét miễn học phần đã được điều chỉnh gửi đơn vị đào tạo để Trưởng đơn vị đào tạo xét duyệt lại. Kết quả phê duyệt lại được đơn vị đào tạo gửi cho SV có liên quan thông qua Cố vấn học tập để điều chỉnh kế hoạch học tập. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần, các văn bản Biên bản và kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo quản lý.

4. Các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý học phần có trong CTĐT có trách nhiệm tư vấn về việc xét miễn và công nhận điểm học phần nếu nhận được yêu cầu.

5. Các đơn vị được phép cấp chứng chỉ và chứng nhận của Trường DHCT có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận thông tin về chứng chỉ có liên quan nếu nhận được yêu cầu. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm kiểm tra hoặc đề nghị các đơn vị cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận (*trong và ngoài Trường DHCT*) xác nhận thông tin về chứng chỉ hoặc chứng nhận của sinh viên.

6. Đối với SV cần thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào CTĐT sẽ học, SV có kết quả học tập đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác (*từ cao đẳng chính quy trở lên*), một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác có thể làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần mà trong CTĐT đã học trước đó (*nếu có*) đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn (*xem Mẫu đơn tại Phụ lục 4*). Trường hợp này, SV làm đơn có đính kèm theo bản sao chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo trước đây cấp (*có thị thực*) gửi cho đơn vị đào tạo (*qua Cố vấn học tập*) để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

b) SV được Hiệu trưởng Trường DHCT cử đi học tập trong nước hoặc nước ngoài, sau khi hoàn thành học tập và có Quyết định thu nhận SV của Trường DHCT, SV làm đơn gửi cho đơn vị đào tạo quản lý SV (*qua Cố vấn học tập*) đề nghị xem xét miễn và công nhận điểm học phần (*xem Mẫu đơn tại Phụ lục 5*) và gửi đính kèm theo đơn là bản sao các Quyết định cử đi học, Quyết định thu nhận của Trường DHCT, kết quả học tập và văn bản xác nhận (*các*) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

c) SV căn cứ kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được phê duyệt, thông qua tư vấn của Cố vấn học tập, lập kế hoạch học tập toàn khóa và đăng ký học các học phần cần phải tích lũy cho các học kỳ.

d) Trong thời gian học tập, SV có thể làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần bổ sung nếu có các chứng chỉ, chứng nhận được đề cập tại khoản 4, Điều 3 của Quy định này (*xem Mẫu đơn tại Phụ lục 2*). Đơn vị đào tạo có trách nhiệm xem xét miễn và công nhận điểm học phần do SV nộp bổ sung (*các*) chứng chỉ; lập danh sách SV được xét miễn và công nhận điểm học phần và gửi cùng bản sao chứng chỉ có ký xác nhận của Trưởng đơn vị đào tạo cho Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra; nhập điểm miễn vào phần mềm quản lý đào tạo. Danh sách

SV được xét miễn và công nhận điểm học phần và bản sao chứng chỉ được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc, hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần

1. Chỉ xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho các học phần trong CTĐT sẽ học mà trong CTĐT đã học trước người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn. Đối với Khóa 47 trở về sau, khối lượng tín chỉ tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT; riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo¹.

2. Học phần chỉ được xem là tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ (*trừ học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ điểm D+ trở lên*) hoặc đạt từ điểm 5,0 trở lên theo thang điểm 10. Cách quy đổi điểm thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện theo bảng sau đây:

| Điểm theo thang điểm 10 | Điểm theo thang điểm chữ | Điểm theo thang điểm 4 |
|------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| 9,0 – 10,0 | A | 4,0 |
| 8,0 – 8,9 | B+ | 3,5 |
| 7,0 – 7,9 | B | 3,0 |
| 6,5 – 6,9 | C+ | 2,5 |
| 5,5 – 6,4 | C | 2,0 |
| 5,0 – 5,4 | D+ | 1,5 |
| | D | 1,0 |

3. Nếu có 1 học phần (*hoặc nhiều học phần*) được xét miễn từ 2 học phần trở lên đã học thì điểm của học phần được xét miễn là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (*trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần đã học*). Nếu có 2 học phần được xét miễn từ 1 học phần đã học thì điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã học.

4. Xét miễn các học phần điều kiện tương ứng nếu SV có các chứng chỉ và chứng nhận như sau:

- a) Chứng chỉ ngoại ngữ (*xem hướng dẫn tại khoản 5, Điều 3 này*);
- b) Chứng chỉ hoặc chứng nhận công nghệ thông tin (*xem hướng dẫn tại khoản 6, Điều 3 này*);
- c) Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (*xem hướng dẫn tại khoản 7, Điều 3 này*);
- d) Chứng chỉ Giáo dục thể chất (*xem hướng dẫn tại khoản 8, Điều 3 này*);

¹ Tại thời điểm ban hành Quyết định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có văn bản hướng dẫn như quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDDT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Đối với các học phần điều kiện, điểm xét miễn là điểm “M”.

5. Đối với các học phần ngoại ngữ căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn học phần như sau:

a) Được miễn các học phần Anh văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV thuộc Khóa 44 trở về trước có một trong các Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, B hoặc C do Trường ĐHCT cấp. SV thuộc Khóa 45 trở về sau có Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C do Trường ĐHCT cấp.

- SV thuộc Khóa 44 trở về trước có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 2 trở lên; SV thuộc Khóa 45 trở về sau có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu được quy đổi tương đương như tại Phụ lục 1.

b) Được miễn các học phần Pháp văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV thuộc Khóa 44 trở về trước có một trong các Chứng chỉ tiếng Pháp trình độ A, B hoặc C do Trường ĐHCT cấp. SV thuộc Khóa 45 trở về sau có Chứng chỉ tiếng Pháp trình độ C do Trường ĐHCT cấp.

- SV thuộc Khóa 44 trở về trước có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp bậc 2 trở lên; SV thuộc Khóa 45 trở về sau có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Chứng chỉ tiếng Pháp tối thiểu được quy đổi tương đương như tại Phụ lục 1.

c) SV là người nước ngoài theo học CTĐT bằng tiếng Việt có nguyện vọng không học các học phần ngoại ngữ căn bản.

d) SV đã có bằng đại học, cao đẳng của CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp được miễn học các học phần ngoại ngữ căn bản.

d) Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường ĐHCT xem xét quyết định. Cụ thể:

- SV có tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu khóa học được Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường ĐHCT xem xét, quyết định xét miễn 1 hoặc nhiều học phần ngoại ngữ căn bản.

- SV có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp khác với các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại điểm a và điểm b thuộc khoản 5, Điều 3 này; hoặc chứng chỉ ngoại ngữ khác. SV làm đơn đề nghị xem xét và đính kèm bản sao chứng chỉ gửi Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường ĐHCT thông qua Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ (*ĐGNLNN*) (xem *Mẫu đơn tại Phụ lục 3*). Nếu được sự đồng ý của Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường ĐHCT, Trung tâm ĐGNLNN lập danh sách SV được xét miễn học phần trình Hội đồng ký duyệt và gửi cùng bản sao chứng chỉ có ký xác nhận của Trung tâm ĐGNLNN cho Phòng Đào tạo. Danh sách SV được xét miễn học phần và bản sao chứng chỉ được lưu hồ sơ điểm do Phòng Đào tạo quản lý. Loại chứng chỉ ngoại ngữ và cấp độ đã được Hội đồng ký duyệt đồng ý cho xét miễn các học phần ngoại ngữ căn bản được cập nhật bổ sung vào Phụ lục 1 để làm căn cứ xét miễn học phần ngoại ngữ căn bản cho những trường hợp tương tự mà không phải thông qua xét duyệt của Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ.

6. Đối với các học phần Tin học căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được miễn học phần nếu SV đạt yêu cầu sau:

a) SV có Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A, Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, Chứng nhận Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng nhận Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường ĐHCT cấp; SV có Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 hoặc MOS (*phải có đầy đủ 3 chứng chỉ gồm: Chứng chỉ Word, Chứng chỉ Excel và Chứng chỉ PowerPoint*).

b) SV đã có bằng tốt nghiệp kỹ thuật viên, trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin.

7. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN).

a) Đối tượng được miễn các học phần GDQP&AN:

- SV có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp.

- SV đã có Chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo.

- SV là người nước ngoài.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN, gồm: SV có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10. Đối với những học phần, nội dung có điểm dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10, SV phải học những học phần, nội dung GDQP&AN tương ứng trong chương trình GDQP&AN hiện hành. Học phần, nội dung GDQP&AN tương ứng mà SV phải học do Trung tâm GDQP&AN Trường ĐHCT quyết định.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự trong chương trình GDQP&AN:

- SV là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

- SV không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

- SV đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

8. Đối với các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

a) Đối tượng được miễn các học phần GDTC:

- SV có Chứng chỉ Giáo dục thể chất.

- SV đào tạo đại học văn bằng thứ hai (*đã có tích lũy các học phần GDTC ở văn bằng thứ nhất*).

- SV đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục thể thao.

b) SV là người khuyết tật hoặc không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình môn học GDTC được bố trí học các học phần Cờ Vua.

9. Đối với các học phần Lý luận chính trị thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn và công nhận điểm học phần thực hiện như sau:

a) Đối tượng được xét miễn học phần:

- SV có bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học của Việt Nam hoặc các trường liên kết mở tại Việt Nam cấp và đã tích lũy các học phần Lý luận chính trị có nội dung và số tín chỉ (*đơn vị học trình*) tương đương, nhưng tiếp tục học để lấy bằng đại học thứ hai.

- SV có bằng cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị. Điểm xét miễn cho trường hợp này là điểm “M”.

b) Đối tượng phải học bổ sung kiến thức:

SV thuộc Khóa 44 trở về trước học tập các học phần Lý luận chính trị theo khung chương trình của Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho SV khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gồm có học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (ML009), Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (ML010), Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (ML011) và Tư tưởng Hồ Chí Minh (ML006). SV phải học bổ sung kiến thức trong những trường hợp sau:

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” thì phải học “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2” (ML010).

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” thì phải học “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” (ML011).

SV thuộc Khóa 45 trở về sau học tập các học phần Lý luận chính trị theo Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị gồm có các học phần Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trường hợp SV đã tích lũy một số học phần Lý luận chính trị ở CTĐT trình độ đại học tại một cơ sở đào tạo khác được chuyển đổi tương đương như sau:

- Đối với SV thuộc các ngành đào tạo không chuyên về Lý luận chính trị

| Mã số HP | Tên học phần | Số TC | Mã số HP | Tên học phần | Số TC |
|----------|--|-------|----------|--------------------------------|-------|
| ML009 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 2 | ML014 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| ML010 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 3 | ML016 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 |
| | | | ML018 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| ML011 | Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | ML019 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| ML006 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | ML021 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |

- Đổi với SV thuộc các ngành đào tạo chuyên về Lý luận chính trị

| Mã số HP | Tên học phần | Số TC | Mã số HP | Tên học phần | Số TC |
|----------|--|-------|----------|--------------------------------|-------|
| ML009 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 2 | ML015 | Triết học Mác-Lênin | 4 |
| ML010 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 3 | ML017 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 3 |
| | | | ML018 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| ML011 | Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | ML020 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 |
| ML006 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | ML021 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |

10. SV được Trường ĐHCT cử tham gia và đạt thành tích cao trong các kỳ thi Olympic toàn quốc (*Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học, Cơ học,...*) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; cuộc thi Robocon và những kỳ thi/cuộc thi khác do Hiệu trưởng quyết định, SV được xem xét miễn thi và tính điểm cho một học phần trong những học phần mà SV có đăng ký học trong học kỳ tham gia kỳ thi/cuộc thi. Học phần được xét miễn thi do đơn vị phụ trách ngành đào tạo SV xác định và công bố cho SV khi tham gia kỳ thi/cuộc thi; có khối lượng không quá 4 tín chỉ. SV tham gia nhiều kỳ thi/cuộc thi trong một học kỳ chỉ xét miễn thi và tính điểm cho không quá 2 học phần. Căn cứ học phần SV được xét miễn thi, Quyết định cử SV tham dự kỳ thi/cuộc thi của Trường ĐHCT và thành tích đạt được trong kỳ thi/cuộc thi, mức điểm được tính cho học phần được miễn thi như sau:

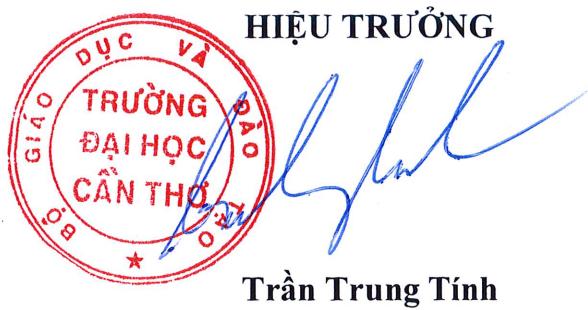
| TT | Thành tích | Điểm theo thang điểm 10 | Điểm theo thang điểm chữ |
|----|---|-------------------------|--------------------------|
| 1 | Giải nhất | 10 | A |
| 2 | Giải nhì | | |
| 3 | Giải ba | | |
| 4 | Giải khuyến khích và các giải phụ khác | 8,9 | B+ |
| 5 | Thành viên được Trường ĐHCT cử tham gia kỳ thi/cuộc thi | 7,9 | B |

Sau khi có kết quả kỳ thi/cuộc thi, đơn vị được phân công quản lý đoàn tham gia thi lập danh sách SV có xác định học phần và mức điểm cụ thể của từng SV cùng các văn bản minh chứng (*theo Mẫu tại Phụ lục 8*) và gửi cho Phòng Đào tạo để lưu hồ sơ và nhập điểm học phần cho SV. Trường hợp SV có kết quả điểm học tập học phần cao hơn mức điểm được tính do tham dự kỳ thi/cuộc thi thì điểm học phần là điểm học tập học phần.

11. Kết quả điểm xét miễn được ghi nhận trong bảng kết quả học tập toàn khóa của SV. Trừ các học phần điều kiện và học phần có điểm M, kết quả điểm xét miễn học phần được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này; ghi nhận, kiểm tra và xử lý những trường hợp vi phạm Quy định; hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của SV và viên chức các vấn đề có liên quan; giải trình khi có yêu cầu của Ban Giám hiệu.
2. Các đơn vị có liên quan báo cáo Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện./. *h*



Phụ lục 1 Quy đổi tương đương chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

1. Tiếng Anh

- Chứng chỉ IELTS (*International English Language Testing System*) do Hội đồng Anh (*British Council*) và Tổ chức Giáo dục quốc tế IDP (*IDP Education Viet Nam*) cấp.
- Chứng chỉ TOEIC (*Test of English for International Communication*), TOEFL (*Test of English as a Foreign Language*) do Educational Testing Service (*ETS*) và IIG Việt Nam cấp.
- Chứng chỉ Cambridge Esol do Tổ chức Cambridge English cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh A, B, C do Trường Đại học Cần Thơ cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

| Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | Chứng chỉ A, B, C | IELTS | TOEIC (L&R) | TOEIC Bridge | TOEFL ITP | TOEFL CBT | TOEFL iBT | Cambridge Tests |
|---|--|--------------------------|--------------|------------------------|---------------------|------------------|------------------|------------------|---|
| 1 | A1 | A | | 120-220 | 30-42 | | 60 | | 100-120 KET |
| 2 | A2 | B | 4.0 | 225-445 | 43-75 | 360-449 | 96 | 30 | 120-140 KET 120-140 PET |
| 3 | B1 | C | 4.5-5.0 | 450-595 | 76-89 | 450-499 | 133 | 31-45 | 140-150 KET 140-160 PET 140-160 FCE |
| 4 | B2 | | 5.5-6.5 | 600-845 | 90-100 | 500-589 | 173 | 46-93 | 160-170 PET 160-180 FCE 160-180 CAE |
| 5 | C1 | | 7.0-7.5 | 850-940 | | 590-649 | 213 | 94-109 | 180-190 FCE 180-200 CAE 180-200 CPE |
| 6 | C2 | | 8.0-9.0 | 945-990 | | 650-677 | 250 | 110-120 | 200-210 CAE 200-230 CPE |
| | | | Top Score 9 | Top Score 990 | Top Score 100 | Top Score 677 | Top Score 300 | Top Score 120 | |

2. Tiếng Pháp

- Bằng DELF (*Diplôme d'Etudes en Langue Française*), DALF (*Diplôme Aprofondi de Langue Française*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*) cấp.
- Chứng chỉ TCF (*Test de Connaissance du Français*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*) cấp.

- Chứng chỉ TEF (*Test d'Evaluation de Français*) của CCIP (*Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris*) cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp A, B, C do Trường Đại học Cần Thơ cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP

| Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | Chứng chỉ A, B, C | DELF | TCF | TEF |
|---|--|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------|
| 1 | A1 | A | DELF A1 trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp <i>(découverte)</i> | TCF1 (100-199) | TEF1 (69-203) |
| 2 | A2 | B | DELF A2 trình độ giao tiếp sơ trung cấp <i>(survie)</i> | TCF2 (200-299) | TEF2 (204-360) |
| 3 | B1 | C | DELF B1 trình độ giao tiếp ngưỡng <i>(seuil)</i> | TCF3 (300-399) | TEF3 (361-540) |
| 4 | B2 | | DELF B2 trình độ giao tiếp độc lập <i>(indépendant)</i> | TCF4 (400-499) | TEF4 (541-698) |
| 5 | C1 | | DALF C1 trình độ giao tiếp tự chủ <i>(autonome)</i> | TCF5 (500-599) | TEF5 (699-833) |
| 6 | C2 | | DALF C2 giao tiếp ở trình độ cao <i>(maîtrise)</i> | TCF6 (600-699) | TEF5 (834-900) |

Phụ lục 2: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn học phần do có chứng chỉ (cho các loại chứng chỉ được đề cập tại khoản 4, Điều 3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM M
do có chứng chỉ Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, GDQP, GDTC**

Kính gửi: Trường chuyên ngành/Khoa/Viện.

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa:

Số điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được xét và công nhận điểm M các học phần:

1/. Mã số HP

2/. Mã số HP

3/. Mã số HP

do tôi có Chứng chỉ

Nơi cấp Chứng chỉ

.

Trân trọng kính chào./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

SINH VIÊN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**HIỆU TRƯỞNG/TRƯỞNG
KHOA/VIỆN TRƯỞNG**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TRỌ LÝ GIÁO VỤ

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Sinh viên nộp đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ (*không cần công chứng*) cho Trợ lý giáo vụ của đơn vị đào tạo. SV lưu ý mang theo Bản chính chứng chỉ để đối chiếu khi nộp đơn.
- Sau khi trưởng đơn vị đào tạo ký duyệt, đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ được đơn vị đào tạo chuyển cho Phòng Đào tạo để nhập điểm M cho các học phần tương ứng.

Phụ lục 3: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn học phần ngoại ngữ căn bản do có chứng chỉ ngoại ngữ không có tên trong khoản 5, Điều 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM M
**do có chứng chỉ ngoại ngữ chưa có tên trong danh mục chứng chỉ
được xét miễn học phần ngoại ngữ căn bản của Trường ĐHCT**

Kính gửi: Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường ĐHCT

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa:

Số điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được xét miễn học phần và công nhận điểm M các học phần ngoại ngữ căn bản (*tiếng Anh hoặc tiếng Pháp*) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương do tôi có Chứng chỉ ngoại ngữ không có tên trong danh mục các chứng chỉ ngoại ngữ được xét miễn học phần theo quy định của Trường ĐHCT như sau:

- Tên Chứng chỉ
- Nơi cấp Chứng chỉ
-

Trân trọng kính chào./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

SINH VIÊN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CHỦ TỊCH

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TRUNG TÂM ĐGNLNN
GIÁM ĐỐC

(Ghi ý kiến, ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Sinh viên nộp đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ (*không cần công chứng*) cho Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ. Sinh viên lưu ý mang theo Bản chính Chứng chỉ để đối chiếu khi nộp đơn.
- Sau khi Chủ tịch Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ ký duyệt, đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ được Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ chuyên cho Phòng Đào tạo để nhập điểm M cho các học phần Ngoại ngữ căn bản và bổ sung danh sách Chứng chỉ của Phụ lục 1.

Phụ lục 4: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn và công nhận điểm học phần do đã tích lũy ở bậc đại học tại một cơ sở đào tạo trước đây

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN
do đã tích lũy ở bậc đại học tại một cơ sở đào tạo trước đây**

Kính gửi:

- Trường chuyên ngành/Khoa/Viện.....
- Quý Thầy/ Cô Cố vấn học tập

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa:

Số điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được xét miễn và công nhận điểm (*cá*c) học phần do đã tích lũy khi theo học chương trình đào tạo trình độ đại học trước đây tại Trường/Học viện, cụ thể như sau:

| Học phần đã tích lũy trước đây | | | | Học phần được xét miễn và công nhận điểm | | | |
|--------------------------------|-------|--------------|-------|--|--------------|-------|------|
| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Điểm |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Trân trọng kính chào./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

CỐ VẤN HỌC TẬP
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

SINH VIÊN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG/TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Sinh viên nộp đơn này cho Trường chuyên ngành/Khoa/Viện thông qua Quý Thầy, Cô là Cố vấn học tập của lớp.
- Đơn có đính kèm theo bản sao chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo trình độ đại học trước đây (*có thi thực*).

**Phụ lục 5: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn và công nhận điểm học phần
do có kết quả học tập tích lũy được sau khi học tập ở nước ngoài**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN
do đã được Hiệu trưởng Trường ĐHCT cử đi học tập**

Kính gửi:

- Trường chuyên ngành/Khoa/Viện.....
- Quý Thầy/Cô Cố vấn học tập

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa:

Số điện thoại liên hệ:

Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quyết định số /QĐ-DHCT ngày... tháng ... năm ... về việc cho phép sinh viên đi học tập của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

Nay căn cứ kết quả học tập đạt được, tôi làm đơn này kính đề nghị được xét miễn và công nhận điểm (*các*) học phần thuộc chương trình đào tạo tôi đang theo học tại Trường ĐHCT.

*Đính kèm theo đơn này là Quyết định định cư đi học và Quyết định thu nhận của Trường DHCT; văn bản xác nhận (*các*) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập; và văn bản kết quả học tập sinh viên do cơ sở nơi sinh viên được cử đến học tập cấp.*

Trân trọng kính chào./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

SINH VIÊN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Sinh viên nộp đơn này cho Trường chuyên ngành/Khoa/Viện (*qua Quý Thầy, Cô là Cố vấn học tập của lớp*) để xét miễn và công nhận điểm học phần cho SV.
- Đơn có đính kèm theo bản sao các Quyết định định cư đi học và Quyết định thu nhận của Trường DHCT; văn bản xác nhận (*các*) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập; và (*các*) văn bản kết quả học tập sinh viên do cơ sở nơi sinh viên được cử đến học tập cấp. Văn bản kết quả học tập do đơn vị nơi sinh viên đến học tập cấp có thể là: chứng chỉ, chứng nhận, bảng điểm, giấy xác nhận kết quả học tập,... được sử dụng để làm căn cứ xét miễn và công nhận điểm học phần.
- Sinh viên cần lưu ý: việc có được xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc CTĐT mà sinh viên đang theo học như đơn đề nghị của sinh viên hay không còn tùy vào kết quả học tập, trên cơ sở nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần của Trường DHCT.

Phụ lục 6: Mẫu Biên bản xét miễn và công nhận điểm học phần của Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần của đơn vị

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG (KHOA/VIỆN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BB-...

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

Xét miễn và công nhận điểm học phần

I. THÀNH PHẦN

Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần gồm:

- | | | |
|-----------------|-------------------------------|------------|
| 1. Ông/Bà | (<i>chức vụ</i>)..... | Tổ trưởng |
| 2. Ông/Bà | (<i>chức vụ</i>)..... | Thành viên |
| 3. Ông/Bà | Trợ lý Giáo vụ | Thư ký |

II. THỜI GIAN: ngày tháng năm 20...

III. NỘI DUNG:

Xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên.

IV. Ý KIẾN CỦA TỔ XÉT MIỄN HỌC PHẦN

Thực hiện theo các hướng dẫn và quy định hiện hành, Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần đề nghị Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần xem xét và công nhận kết quả xét miễn và điểm học phần cho sinh viên theo danh sách đính kèm.

Kèm theo Biên bản là kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên và bản sao (các) văn bản được sử dụng để xét miễn học phần

CÁC THÀNH VIÊN TỔ XÉT MIỄN HỌC PHẦN KÝ TÊN

1.
 2.
 3.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(ký tên và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(ký tên và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ghi chú:

- Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị gồm: lãnh đạo của đơn vị là ủy viên của Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường ĐHCT, Trưởng hoặc Phó trưởng Khoa thuộc trường chuyên ngành/Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn thuộc Khoa/Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn thuộc Viện phụ trách ngành đào tạo và Trợ lý giáo vụ của đơn vị (*ngoài ra có thể bổ sung thêm thành viên là giảng viên có kinh nghiệm về ngành đào tạo*).

- Biên bản có đính kèm Danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu ở Phụ lục 7*), bản sao văn bản được sử dụng để xét miễn học phần được gửi đến Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường ĐHCT thông qua Phòng Đào tạo.

Phụ lục 7: Mẫu Danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG (KHOA/VIỆN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN

ĐƯỢC XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN

(đính kèm Biên bản số...../BB-..... ngày ... tháng ... năm 20... về xét miễn và công nhận điểm học phần của Hiệu trưởng/Trưởng khoa/Viện trưởng)

| TT | Mã số sinh viên | Họ và tên sinh viên | Mã số học phần | Tên học phần | Điểm | Ghi chú |
|----|-----------------|---------------------|----------------|--------------|------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG
(ký tên và ghi rõ họ tên)

THU KÝ
(ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Danh sách sinh viên được xét miễn và công nhận điểm học phần bằng văn bản và bằng e-file (excel) được đính kèm theo Biên bản xét miễn và công nhận điểm học phần cùng bản sao (các) văn bản đã được sử dụng để xét miễn học phần gửi đến **Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần** thông qua Phòng Đào tạo.

- Cách ghi thông tin trong bảng trên như sau:

- + Cột “TT”: ghi số thứ tự sinh viên trong danh sách
- + Cột “Mã số sinh viên”: ghi Mã số của SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Họ và tên sinh viên”: ghi họ và tên SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Mã số học phần”: ghi mã số học phần thuộc CTĐT mà SV được xét miễn
- + Cột “Tên học phần”: ghi tên học phần tương ứng với mã số học phần
- + Cột “Điểm”: ghi điểm theo thang điểm 10 được làm tròn đến 1 chữ số thập phân hoặc điểm theo thang điểm chữ nếu không có điểm theo thang điểm 10. Nếu là điểm miễn thì ghi là “M”.
- + Cột “Ghi chú”: ghi ngắn gọn các lưu ý, ví dụ: “đính kèm chứng chỉ”, “đính kèm bảng điểm”,...

Phụ lục 8: Mẫu Danh sách sinh viên được miễn thi và tính điểm học phần do được cử tham gia và đạt thành tích cao trong các kỳ thi Olympic toàn quốc (Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học, Cơ học,...) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; cuộc thi Robocon và những kỳ thi/cuộc thi khác do Hiệu trưởng Trường ĐHCT quyết định

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG (KHOA/VIỆN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC MIỄN THI VÀ TÍNH ĐIỂM HỌC PHẦN DO ĐƯỢC CỬ THAM GIA
KỲ THI/CUỘC THI**

| TT | Mã số sinh viên | Họ và tên sinh viên | Mã số học phần | Tên học phần | Điểm | Ghi chú |
|----|-----------------|---------------------|----------------|--------------|------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Đính kèm là các bản sao Quyết định cử sinh viên tham dự kỳ thi/cuộc thi của Hiệu trưởng Trường ĐHCT, văn bản thành tích đạt được của sinh viên trong kỳ thi/cuộc thi.....

TRƯỜNG ĐOÀN
(ký tên và ghi rõ họ tên)

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

TRƯỜNG ĐƠN VỊ
(ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Danh sách sinh viên được miễn thi và tính điểm học phần do được cử tham dự kỳ thi/cuộc thi bằng văn bản và bằng e-file có đính kèm theo các bản sao Quyết định cử sinh viên tham dự kỳ thi/cuộc thi của Hiệu trưởng Trường ĐHCT, văn bản thành tích đạt được của sinh viên trong kỳ thi/cuộc thi và các văn bản khác nếu có được gửi đến **Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường ĐHCT** thông qua Phòng Đào tạo.

- Cách ghi thông tin trong bảng trên như sau:

- + Cột “TT”: ghi số thứ tự sinh viên trong danh sách
- + Cột “Mã số sinh viên”: ghi Mã số của SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Họ và tên sinh viên”: ghi họ và tên SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Mã số học phần”: ghi mã số học phần thuộc CTĐT mà SV được xét miễn thi
- + Cột “Tên học phần”: ghi tên học phần tương ứng với mã số học phần
- + Cột “Điểm”: ghi điểm theo thang điểm chữ.
- + Cột “Ghi chú”: ghi ngắn gọn thành tích sinh viên đạt được (*ví dụ: “giải nhất”*). Nếu không có thành tích thì ghi là “Tham dự kỳ thi/cuộc thi”.